

Số: /2026/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 00 tháng 00 năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH
Quy định giá thóc dùng để thu thuế sử dụng
đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;
Căn cứ Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp số 23-L/CTN ngày 10 tháng 7 năm 1993;

Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 25 tháng 10 năm 1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 89/TC/TCT ngày 09 tháng 11 năm 1993 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 74/CP ngày 25 tháng 10 năm 1993 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 000/TTr-STC ngày 00 tháng 00 năm 2026 đề nghị ban hành Quyết định của UBND tỉnh quy định giá thóc dùng để thu thuế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định giá thóc dùng để thu thuế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá thóc dùng để thu thuế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo Điều 17 Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thuế tỉnh, các cơ quan thuế cơ sở.

b) Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định hiện hành.

Điều 2. Quy định giá thóc dùng để thu thuế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

STT	Địa bàn	Mức giá (đồng/kg)
1	Phường Buôn Ma Thuột	7.000

2	Phường Tân An	7.000
3	Phường Tân Lập	7.000
4	Phường Thành Nhất	7.000
5	Phường Ea Kao	7.000
6	Phường Buôn Hồ	7.000
7	Phường Tuy Hòa	7.000
8	Phường Phú Yên	7.000
9	Phường Bình Kiến	7.000
10	Phường Xuân Đài	7.000
11	Phường Sông Cầu	7.000
12	Phường Đông Hòa	7.000
13	Phường Hòa Hiệp	7.000
14	Xã Ea Drăng	7.000
15	Xã Ea H'Leo	7.000
16	Xã Dray Bhang	7.000
17	Xã Ea Ktur	7.000
18	Xã Ea Na	7.000
19	Xã Quảng Phú	7.000
20	Xã Krông Pắc	7.000
21	Xã Ea Knuéc	7.000
22	Xã Ea Kly	7.000
23	Xã Ea Kar	7.000
24	Xã Xuân Thọ	7.000
25	Xã Xuân Cảnh	7.000
26	Xã Xuân Lộc	7.000
27	Xã Hòa Xuân	7.000
28	Xã Tuy An Bắc	7.000
29	Xã Tuy An Đông	7.000
30	Xã Tuy An Nam	7.000
31	Xã Ô Loan	7.000
32	Xã Phú Hòa 1	7.000
33	Xã Phú Hòa 2	7.000
34	Phường Cư Bao	6.700
35	Xã Hòa Phú	6.700
36	Xã Ea Ning	6.700
37	Xã Pong Drang	6.700
38	Xã Krông Búk	6.700
39	Xã Ea Khăl	6.700
40	Xã Krông Ana	6.700

41	Xã Dur Kmăl	6.700
42	Xã Krông Năng	6.700
43	Xã Cuôr Đăng	6.700
44	Xã Cư M'gar	6.700
45	Xã Ea Tul	6.700
46	Xã Ea Phê	6.700
47	Xã Krông Bông	6.700
48	Xã Hòa Thịnh	6.700
49	Xã Hòa Mỹ	6.700
50	Xã Tây Hòa	6.700
51	Xã Sơn Thành	6.700
52	Xã Suối Trai	6.700
53	Xã Sơn Hòa	6.700
54	Xã Vân Hòa	6.700
55	Xã Tuy An Tây	6.700
56	Xã Xuân Lãnh	6.700
57	Xã Phú Mỡ	6.700
58	Xã Xuân Phước	6.700
59	Xã Đồng Xuân	6.700
60	Xã Ea Drông	6.700
61	Xã Cư Pong	6.700
62	Xã Ea Wy	6.700
63	Xã Ea Hiao	6.700
64	Xã Dliê Ya	6.700
65	Xã Tam Giang	6.700
66	Xã Phú Xuân	6.700
67	Xã Ea Kiệt	6.700
68	Xã Ea M'Droh	6.700
69	Xã Tân Tiến	6.700
70	Xã Vụ Bôn	6.700
71	Xã Ea Ô	6.700
72	Xã Ea Knốp	6.700
73	Xã Cư Yang	6.700
74	Xã Ea Păl	6.700
75	Xã Liên Sơn Lắc	6.700
76	Xã Đăk Liêng	6.700
77	Xã Nam Ka	6.700
78	Xã Đăk Phoi	6.700
79	Xã Krông Nô	6.700

80	Xã Hòa Sơn	6.700
81	Xã Dang Kang	6.700
82	Xã Yang Mao	6.700
83	Xã Cư Pui	6.700
84	Xã Ea Wer	6.700
85	Xã Ea Nuôl	6.700
86	Xã Buôn Đôn	6.700
87	Xã Ea Súp	6.700
88	Xã Ea Rók	6.700
89	Xã Ea Bung	6.700
90	Xã Ia Rvê	6.700
91	Xã Ia Lốp	6.700
92	Xã M'Drắk	6.700
93	Xã Ea Riêng	6.700
94	Xã Cư M'ta	6.700
95	Xã Krông Á	6.700
96	Xã Cư Prao	6.700
97	Xã Ea Trang	6.700
98	Xã Sông Hinh	6.700
99	Xã Tây Sơn	6.700
100	Xã Ea Ly	6.700
101	Xã Ea Bá	6.700
102	Xã Đức Bình	6.700

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thuế tỉnh Đắk Lắk

a) Căn cứ quy định Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và mức giá thóc quy định tại Quyết định này hướng dẫn thuế cơ sở tính, thu thuế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Căn cứ tình hình thực tế qua tham khảo giá thóc thu thuế sử dụng đất nông nghiệp, có ý kiến cụ thể về giá thóc thu thuế hàng năm, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định về việc ban hành giá thóc thu thuế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn Đắk Lắk.

2. UBND các xã, phường và các cơ quan tổ chức, đơn vị có liên quan phối hợp với cơ quan thuế các cấp hướng dẫn việc tính, thu thuế tại Quyết định này đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế, kịp thời báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thuế tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định Quy định giá

thóc để thu thuế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn Đắk Lắk khi giá thóc trên thị trường có sự thay đổi làm cho giá thóc thu thuế sử dụng đất nông nghiệp do UBND tỉnh ban hành không còn phù hợp với quy định tại Điều 17 Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993, dựa trên cơ sở đề xuất của Thuế tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2026.
2. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định số: 29/2019/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định giá thóc dùng để thu thuế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; số 56/2015/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Phú Yên về việc quy định giá thóc thu thuế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng Thuế tỉnh Đắk Lắk; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Cục QLG - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND và Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Báo Đắk Lắk; TTCN và Cổng TTĐT tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các phòng CM thuộc VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTKT ().

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**